



Bảng 1: Chỉ tiêu

VN30F1M (Giá đóng cửa – 12/01/2026)	2079.7
Khối lượng hợp đồng	324,567
VN30 (Giá đóng cửa – 12/01/2026)	2080.24
Khối lượng	700,713,480
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-0.54

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

- VN-Index mở gap tăng điểm vào đầu phiên sáng và giao dịch sideway up trong suốt phiên sáng, sang phiên chiều lực mua xuất hiện mạnh kéo chỉ số tăng hơn 9 điểm so với phiên giao dịch liền trước, đạt 1877.33 điểm

- Các hợp đồng tương lai tăng điểm trong phiên giao dịch ngày 12/01/2025. VN30-Index kết phiên với khối lượng giao dịch cao hơn mức trung bình 20 phiên.

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG VN30 CƠ SỞ

- Về mức độ ảnh hưởng, VPB và HPG ảnh hưởng nhất cho phiên hôm nay, lần lượt kéo VN30-Index tăng 8.09 và 4.78 điểm.

- VN30-Index kết phiên tăng hơn 0.68% so với phiên giao dịch trước, đạt 2080.24 điểm. Độ rộng nghiêng về phía mua với 23 mã tăng điểm, 07 mã giảm điểm.

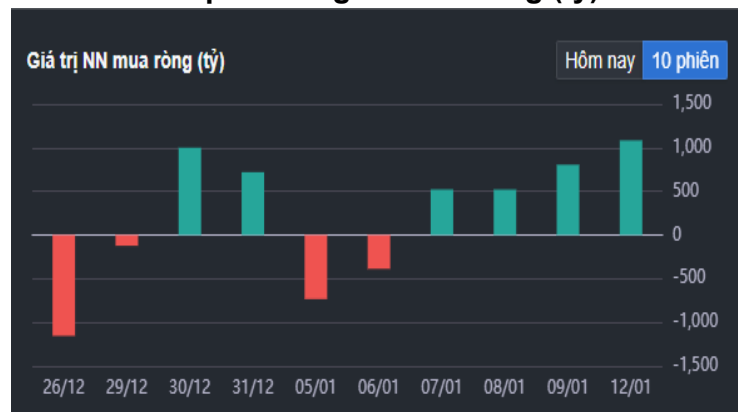
- Khối ngoại quay lại mua ròng với giá trị hơn 1083 tỷ đồng. Tâm điểm, cổ phiếu VCB khối ngoại “gom” mạnh nhất tới hơn 420 tỷ đồng, tiếp theo sau là các mã như VPB mua ròng hơn 270 tỷ đồng; HPG hơn 177 tỷ đồng hay MWG hơn 160 tỷ đồng. Tại chiều bán, khối ngoại bán ròng nhiều nhất cổ phiếu VRE với giá trị hơn 204 tỷ đồng. Tiếp sau đó, hai mã VHM và STB được khối ngoại bán ròng lần lượt là hơn 168 tỷ đồng và hơn 123 tỷ đồng.

Hình 1- Phân bổ dòng tiền Nước ngoài



Nguồn: FireAnt

Hình 2- Giá trị Nước ngoài mua ròng (tỷ)



Nguồn: FireAnt

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VN30 CƠ SỞ

Trong phiên giao dịch ngày 12/01/2026, VN30-Index duy trì trạng thái đi ngang với thân nến nhỏ, đóng nền tăng hơn 14 điểm kèm theo khối lượng giao dịch nằm trên mức trung bình 20 phiên cho thấy tâm lý không mấy lạc quan của nhà đầu tư.

Hiện tại, VN30-Index đang nằm trên đỉnh cũ tháng 10/2025 (tương đương vùng 2,010-2,055 điểm) đã bị phá vỡ. Đây sẽ là ngưỡng hỗ trợ quan trọng trong các phiên tới của chỉ số.

Hình 3- Chỉ số VN30 cơ sở theo ngày



Nguồn: Fireant, BT Research

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HỢTTL NGÀY 12/01/2026

Các hợp đồng tương lai VN30 đồng loạt tăng điểm trong phiên giao dịch ngày 12/01/2026. Cụ thể, 4111G1000 (I1G1000) tăng 0.68%, còn 2,061.6 điểm; 4111G2000 (I1G2000) giảm 0.58%, còn 2,061 điểm; hợp đồng 4111G3000 (I1G3000) giảm 0.95%, còn 2,055.2 điểm; hợp đồng 4111G6000 (I1G6000) giảm 0.59%, còn 2,059.2 điểm. Chỉ số cơ sở VN30-Index kết phiên ở mức 2,066.21 điểm.

Ngoài ra, các hợp đồng tương lai VN100 tăng giảm trái chiều trong phiên giao dịch ngày 12/01/2026. Cụ thể, 4112G1000 (I2G1000) giảm 0.99%, còn 1,934.2 điểm; 4112G2000 (I2G2000) giảm 0.76%, đạt 1,940.1 điểm; hợp đồng 4112G3000 (I2G3000) tăng 0.88%, còn 1,958.2 điểm; hợp đồng 4112G6000 (I2G6000) giảm 0.54%, đạt 1,940.4 điểm. Chỉ số cơ sở VN100-Index kết phiên ở mức 1,956.73 điểm. 4112G6000 (I2G6000) tăng 1.49%, đạt 1,929.9 điểm. Chỉ số cơ sở VN100-Index kết phiên ở mức 1,944.2 điểm.

NHẬN ĐỊNH GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Khối lượng giao dịch I1G1000 giảm 0.77% so với phiên giao dịch trước, đạt 324,567 hợp đồng được khớp lệnh. Khối lượng giao dịch của G2000 đạt 3893 hợp đồng. Khối ngoại quay lại mua ròng với tổng khối lượng trong phiên giao dịch ngày 12/01/2026 đạt 950 hợp đồng.

Về xu hướng, F1M hiện tại đang giao dịch cao hơn giá trung bình OI 180 điểm. Theo thống kê, Tụ doanh nắm giữ 5863 hợp đồng Short. NĐTNN nắm giữ 1288 hợp đồng Long.

Hiện tại F1M giao dịch cao hơn trung bình OI 180 điểm cho thấy xu hướng Long đang lấy lại vị thế. Ưu tiên giao dịch vị thế Long nếu F1M vẫn tiếp tục quay lại giao dịch cao hơn trung bình giá OI tháng hiện tại.

Bảng 2: Thông tin mã Hợp đồng Tương lai ngày

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	+/-	KLGD	Ngày đáo hạn	OI
VN30F1M	2079.7	18.1	324,567	15/01/2026	27,978
VN30F2M	2074.8	13.8	3,893	13/02/2026	3,939
VN30F1Q	2063.4	8.2	22	19/03/2026	543
VN30F2Q	2070	10.8	13	18/06/2026	285

Nguồn: BT Research

Bảng 5: Ngưỡng trong phiên

Kháng cự gần	2088–2095
Kháng cự xa	2110–2120
Hỗ trợ gần	2062–2060
Hỗ trợ xa	2040–2035

Bảng 3: Chênh lệch giá HĐTL

Spread HĐTL	Hiện tại	Phiên trước	+/-
VN30F1M - VN30	6.04	-4.58	10.62
VN30F2M - VN30	2.04	-8.58	10.62
VN30F2M - VN30F1M	-4	-4	0.00
VN30F1Q - VN30F1M	-7.5	-9.9	2.40
VN30F1Q - VN30F2M	-3.5	-5.9	2.40
VN30F2Q - VN30F1M	-12	-13.5	1.50
VN30F2Q - VN30F2M	-8	-9.5	1.50
VN30F2Q - VN30F1Q	-4.5	-3.6	-0.90

Bảng 4: Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ
LONG	2062	2088–2095	<2054
SHORT	2058	2040–2035	>2068

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

• Chiến lược giao dịch trong phiên: NĐT thận trọng tham gia với tỷ trọng vừa phải.

- Vị thế **Long** khuyến nghị quan sát và lấy vị thế quanh vùng 2062
- Vị thế **Short** khuyến nghị quan sát và lấy vị thế quanh vùng 2058

• Chiến lược giao dịch qua đêm: Không khuyến nghị giữ vị thế quan đêm, quan sát chờ điểm vào phù hợp.

* Lưu ý: Trường hợp giá mở cửa tạo gap lớn cần chú ý quan sát, tránh fomo đặt lệnh và phòng ngừa rủi ro. Kết hợp theo dõi tình hình diễn biến thị trường chứng khoán cơ sở.

Hình 4- Chỉ số VN30F1M theo khung ngày



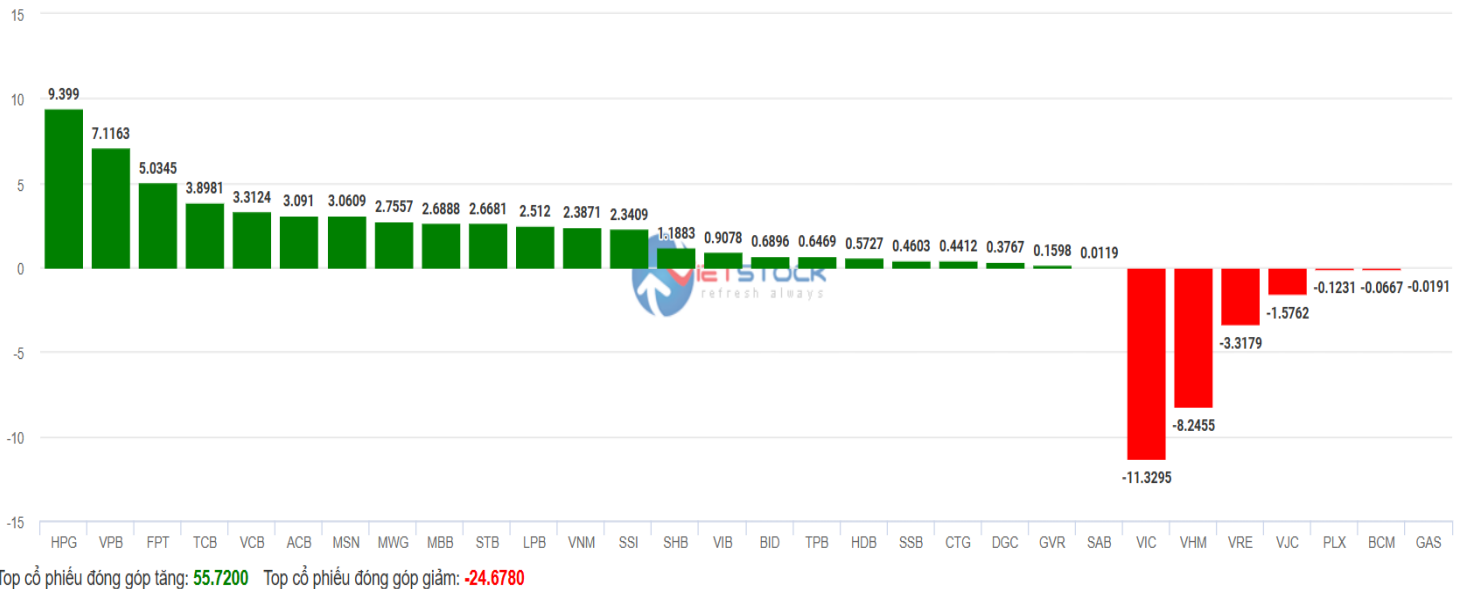
Nguồn: Fireant, BT Research

Hình 5- Chỉ số VN30F1M theo khung 30 phút



Nguồn: Fireant, BT Research

Hình 6- Cổ phiếu ảnh hưởng trong VN30-Index



Danh sách cổ phiếu nhóm VN30

Mã CK	Phân ngành	Giá	Thay đổi	KLCPLH	Vốn hóa	Tỷ trọng (%)	Ảnh hưởng (%)	Điểm ảnh hưởng
HPG	Tài nguyên cơ bản	27,500	(+4.96%)	7,675,465,855	116,091,421,056,875	9.17	0.4549	9.399
VPB	Ngân hàng	30,200	(+6.90%)	7,933,923,601	63,183,704,738,228	4.99	0.3444	7.1163
FPT	Công nghệ thông tin	99,500	(+2.16%)	1,703,507,121	142,791,855,137,224	11.28	0.2437	5.0345
TCB	Ngân hàng	38,000	(+3.68%)	7,064,851,739	64,894,548,891,171	5.13	0.1887	3.8981
VCB	Ngân hàng	72,700	(+6.91%)	8,355,675,094	29,367,536,672,893	2.32	0.1603	3.3124
ACB	Ngân hàng	25,500	(+3.87%)	5,136,656,599	48,932,625,468,771	3.87	0.1496	3.091
MSN	Thực phẩm	78,600	(+2.75%)	1,445,915,457	68,189,372,952,120	5.39	0.1481	3.0609
MWG	Bán lẻ	87,500	(+1.74%)	1,478,456,763	97,023,725,071,875	7.66	0.1334	2.7557
MBB	Ngân hàng	28,200	(+3.30%)	8,054,999,909	49,916,431,686,078	3.94	0.1301	2.6888
STB	Ngân hàng	53,800	(+3.86%)	1,885,215,716	42,347,308,420,072	3.35	0.1291	2.6681
LPB	Ngân hàng	42,400	(+2.91%)	2,987,282,100	52,884,034,253,226	4.18	0.1216	2.512
VNM	Thực phẩm	62,700	(+2.79%)	2,089,955,445	52,416,082,560,600	4.14	0.1155	2.3871
SSI	Dịch vụ tài chính	32,450	(+6.92%)	2,075,914,794	20,724,360,797,840	1.64	0.1133	2.3409
SHB	Ngân hàng	17,000	(+3.03%)	4,593,703,838	24,025,300,757,932	1.90	0.0575	1.1883
VIB	Ngân hàng	18,550	(+3.34%)	3,404,005,710	16,651,153,471,236	1.32	0.0439	0.9078
BID	Ngân hàng	49,250	(+6.95%)	7,021,361,917	6,079,200,468,167	0.48	0.0334	0.6896
TPB	Ngân hàng	18,200	(+3.41%)	2,641,956,196	11,623,008,878,901	0.92	0.0313	0.6469
HDB	Ngân hàng	28,200	(+1.08%)	3,495,060,732	32,488,074,904,751	2.57	0.0277	0.5727
SSB	Ngân hàng	17,750	(+2.31%)	2,845,000,000	12,206,810,343,750	0.96	0.0223	0.4603
CTG	Ngân hàng	41,500	(+1.84%)	5,369,991,748	14,691,693,298,456	1.16	0.0214	0.4412
DGC	Hóa chất	63,700	(+1.59%)	379,778,413	14,515,130,944,860	1.15	0.0182	0.3767
GVR	Hóa chất	32,200	(+1.90%)	4,000,000,000	5,152,000,000,000	0.41	0.0077	0.1598
SAB	Thực phẩm	47,000	(+0.11%)	1,282,562,372	6,630,847,463,240	0.52	0.0006	0.0119
GAS	Tiện ích	97,000	(-0.10%)	2,412,949,756	11,702,806,316,600	0.92	-0.0009	-0.0191
BCM	Bất động sản	70,000	(-1.41%)	1,035,000,000	2,898,000,000,000	0.23	-0.0032	-0.0667
PLX	Dầu khí	42,400	(-1.40%)	1,270,592,235	5,387,311,076,400	0.43	-0.006	-0.1231
VJC	Du lịch và Giải trí	195,000	(-1.86%)	591,611,334	51,913,894,558,500	4.10	-0.0763	-1.5762
VRE	Bất động sản	32,600	(-6.86%)	2,272,318,410	29,631,032,066,400	2.34	-0.1606	-3.3179
VHM	Bất động sản	130,200	(-7%)	4,107,412,004	72,163,893,691,733	5.70	-0.3991	-8.2455
VIC	Bất động sản	163,700	(-6.99%)	3,853,015,512	99,297,183,987,266	7.84	-0.5483	-11.3295

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà BT Research cho là đáng tin cậy, tuy nhiên chúng tôi không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo.

Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. BT Research và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. BT Research không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và đầu tư

Lâm Tuyết Nhi

Trưởng phòng phân tích và đầu tư
nhi.lam@bt-group.vn

Phân tích viên

Nguyễn Thị Thuỳ Trang

Chuyên viên phân tích
trang.nguyenthuy@bt-group.vn

Nguyễn Thị Tú

Chuyên viên phân tích
tu.nguyen@bt-group.vn

Nguyễn Viết Hoàng Chương

Chuyên viên phân tích
chuong.nguyen@bt-group.vn